

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-12-2020

V/v ly hôn giữa chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Gấm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đình Mạnh

2. Bà Cù Thị Hanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST - HNGĐ ngày 05-10-2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-11-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT tại: Xóm T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Đường quốc lộ 37 B, thôn V, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Đàm Ngọc T, sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đàm Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03-10-2020, bản tự khai ngày 06-10-2020 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đàm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V vào ngày 08-9-2003. Sau kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không thống nhất được những vấn đề cần giải quyết trong cuộc sống gia đình. Mặt khác tính tình anh T gia trưởng, độc đoán hay áp đặt người khác làm theo ý mình, anh T không muốn chị ra ngoài xã hội làm việc mà phải ở nhà làm ruộng để phục vụ gia đình nhà chồng, nếu chị không nghe lời thì sẽ bị anh T chửi mắng rất thậm tệ, xúc phạm đến chị và người thân của chị. Chị nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng rất áp lực, bản thân chị không có tiếng nói gì trong gia đình, chị đi làm về mệt mỏi nhưng không được chồng thông cảm do đó đến khoảng tháng 6-2019 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở để thuận tiện cho việc đi làm. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 6-2019 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung là các cháu Đàm Ngọc T, sinh ngày 05-11-2005 và Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 08-3-2011. Thời điểm chị sống ly thân chị cũng có nguyện vọng đưa các con theo chung sống cùng chị nhưng anh T ngăn cản không cho chị dẫn các con theo. Mặc dù không sống cùng các con nhưng chị vẫn quan tâm đầy đủ cả vật chất và tinh thần đến các con; chị vẫn đi về thăm con trong tuần từ 1 đến 2 lần và mua sắm quần áo, đồ ăn và đóng các loại tiền học cho các con. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con nhưng anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con và cháu T có nguyện vọng được ở cùng bố vì vậy chị nhận nuôi cháu T, để anh T nuôi dưỡng cháu T; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị không đồng ý để anh T nuôi cả 02 con vì hiện nay anh T sức khỏe yếu, không có công việc ổn định, đang hưởng trợ cấp của nhà nước giành cho người khuyết tật nên không đủ điều kiện để nuôi cả 02 con; chị để cháu T cho anh T nuôi dưỡng vì cháu T đã lớn, ngoài thời gian học tập ra cháu còn đỡ đần anh T việc nhà; cháu T còn nhỏ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ trong quá trình phát triển vì vậy chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T. Hiện nay chị đang làm nhân viên bán hàng tại quầy thuốc Thu Hiền ở thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định với thu nhập bình quân từ 7.000.000đ – 8.000.000đ/tháng. Với mức thu nhập này đảm bảo điều kiện để chị nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị H không yêu cầu Tòa án giải xem xét giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-11-2020, bị đơn anh Đàm Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V vào ngày 08-9-2003. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong những năm gần đây anh bị bệnh, sức khỏe yếu, khả năng lao động giảm sút nên chị H ra ngoài đi làm. Từ thời điểm chị H đi làm thì tính nết bắt đầu thay đổi dẫn đến về nhà muốn ly hôn với anh. Bản thân anh từ khi kết hôn với chị H luôn chịu khó lao động, chăm lo kinh tế gia đình, mong muốn vợ con có cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc; từ năm 2016 bệnh của anh trở nặng và đã được hưởng chế độ chính sách giành cho người khuyết tật của nhà nước. Từ năm 2019 chị H chuyển ra ngoài sinh sống, thỉnh thoảng mới về thăm các con nhưng cứ gặp anh là gây sự cãi chửi nhau với anh. Chị H xin ly hôn, bản thân anh không muốn ly hôn và rất muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con trưởng thành. Nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là các cháu Đàm Ngọc T, sinh ngày 05-11-2005 và Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 08-3-2011, từ ngày anh chị sống ly thân thì cả 02 con đều được anh nuôi dưỡng. Nếu buộc phải ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện nay mặc dù sức khỏe anh giảm sút nhưng anh vẫn hỗ trợ cháu làm máy gặt và anh có góp tiền làm chung máy gặt lúa với anh em trong gia đình. Vì vậy ngoài thu nhập từ máy gặt lúa ra anh còn được hưởng trợ cấp của nhà nước nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng các con.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 11-11-2020, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đàm Ngọc T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V vào ngày 08-9-2003, trong quá trình chung sống giữa anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn nên vào năm 2019 chị H đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Hiện nay anh Đàm Ngọc T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Xóm T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định, anh T bị bệnh và đang được hưởng chế độ chính sách của nhà nước giành cho người khuyết tật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đàm Ngọc T.

+ Về con chung: Giao cháu Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 08-3-2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H; giao cháu Đàm Ngọc T, sinh ngày 05-11-2005 cho anh Đàm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đàm Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đàm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 08-9-2003, như vậy hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, trong cuộc sống có xảy ra cãi, chửi nhau. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 6-2019 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị H và anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn

nhân gia đình của chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đàm Ngọc T có 02 con chung là các cháu Đàm Ngọc T, sinh ngày 05-11-2005 và Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 08-3-2011. Hiện nay cháu T và cháu T đang sinh sống cùng anh T. Chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con sau ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con; anh T mặc dù sức khỏe giảm sút nhưng có công việc và thu nhập. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cho chị H và anh T mỗi người nuôi dưỡng 01 con là phù hợp quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Cháu T đã lớn, cháu có nguyện vọng được ở cùng bố nên giao cho anh T nuôi dưỡng cháu T; cháu T là con gái và còn nhỏ, có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên giao cho chị H nuôi dưỡng cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đàm Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đàm Ngọc T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Đàm Thị Ngọc T, sinh ngày 08-3-2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng anh Đàm Ngọc T, vì vậy anh T có trách nhiệm giao cháu T cho chị H.

- Giao cháu Đàm Ngọc T, sinh ngày 05-11-2005 (Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng anh T) cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0002018 ngày 05-10-2020 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện V được đối trừ (chị H đã nộp đủ).

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đàm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm